

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 11050031

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110500301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100102	Tạ Minh Công	04/10/1998	<i>[Signature]</i>	6.5		C18QT	
2	1610100143	Nguyễn Thị Kim Dung	10/10/1998				C18QT	
3	1410030015	Phan Văn Đạo	23/06/1996	<i>[Signature]</i>	7.0		C16DDT	
4	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998	<i>[Signature]</i>	8.0		C18QT	
5	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998				C18QT	
6	1610100080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998				C18QT	
7	1410100078	Nguyễn Việt Hùng	23/04/1996				C16QT	
8	1610100133	Trịnh Trung Kiên	22/10/1997	<i>[Signature]</i>	6.5		C18QT	
9	1610100017	Mai Thị Liên	10/09/1996	<i>[Signature]</i>	7.5		C17QT	
10	1310080009	Đỗ Sĩ Long	25/07/1994	<i>[Signature]</i>	6.5		C15MT	
11	1410040006	Hoàng Văn Nam	08/02/1996				C16CK	
12	1510100048	Phan Lê Phương Ngân	19/5/1997				C17QT	
13	1610100004	Trần Thị Kim Oanh	22/01/1998				C18QT	
14	1310090004	Huỳnh Gia Phúc	12/06/1993	<i>[Signature]</i>	6.0		C15CN	
15	1610100112	Hứa Thị Thu Thảo	22/8/1998				C18QT	
16	1610100122	Nguyễn Thị Thảo	05/12/1994	<i>[Signature]</i>	7.5		C18QT	
17	1210130211	Nguyễn Trần Bảo Thắng	02/05/1993				C14KT2	
18	1510010001	Lưu Phước Thiện	09/06/1996				C17TH	
19	1510010024	Trần Quốc Thịnh	11/02/1997	<i>[Signature]</i>	7.5		C17TH	
20	1510100052	Dương Thị Phương Thùy	05/5/1997				C17QT	
21	1510080008	Nguyễn Thị Anh Thư	21/10/1997				C17MT	
22	1610100148	Trần Văn Toàn	07/04/1997				C18QT	
23	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998				C18QT	
24	1410100042	Trần Quốc Tuấn	20/04/1996				C16QT	
25	1610100022	Nguyễn Thị Hồng Xuân	02/03/1998				C18QT	
26	1610010018	Trần Vũ Xuyên	09/09/1996				C18TH	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 9 vắng thi: 12 . Số bài thi: 9 / 9 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 9 / 0

Tỷ lệ đạt: 100.00 %

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 11050031

Mã lớp học phần: 110500303

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Bình

Ngày thi: 27/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trương T. Ngọc Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Đỗ Cao Tri' Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100102	Tạ Minh	Công	04/10/1998	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C18QT	Nợ HP
2	1410030015	Phan Văn	Đạo	23/06/1996	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy chẵn	C16DDT	
3	1610100081	Phạm Thị	Điệp	18/08/1998	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C18QT	
4	1410100078	Nguyễn Việt	Hùng	23/04/1996					C16QT	Nợ HP
5	1310080009	Đỗ Sĩ	Long	25/07/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	Bảy hai	C15MT	Nợ HP
6	1310090004	Huỳnh Gia	Phúc	12/06/1993	<u>[Signature]</u>		6.4	Sáu bốn	C15CN	
7	1610100122	Nguyễn Thị	Thảo	05/12/1994	<u>[Signature]</u>		6.4	Sáu bốn	C18QT	
8	1510010024	Trần Quốc	Thịnh	11/02/1997	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C17TH	
9	1510100052	Dương Thị Phương	Thùy	05/5/1997					C17QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 7 vắng thi: 2 Số bài thi/Số tờ: 07 / 07

Số sinh viên đạt: 7 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 4 tháng 8 năm 2018

[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Lê Phú Đạt

Ngày: 01 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Bình



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ
Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 11050031
Mã lớp học phần: 110500301 Số tín chỉ: 3
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Trần Thị Kim Anh Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Nguyễn Văn Trình Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510010001	Lưu Phước Thiện	09/06/1996	<u>[Signature]</u>		<u>4.8</u>	<u>Bốn tám</u>	C17TH	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

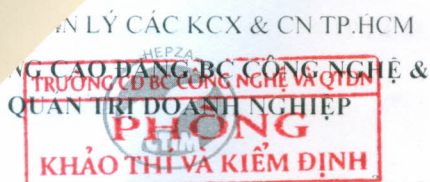
Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 01 / 01 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 4 tháng 8 năm 2018
[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phước

Ngày 01 tháng 8 năm 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Bình



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 11050031

Mã lớp học phần: 110500302

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thanh Bình

Ngày thi: 27/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Thị Kim Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ngọc Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100133	Trịnh Trung Kiên	22/10/1997	<u>[Signature]</u>		3.4	Ba bốn	C18QT	
2	1510100011	Mai Thị Liên	10/09/1996	<u>[Signature]</u>		5.4	Năm bốn	C17QT	
3	1510100048	Phan Lê Phương Ngân	19/5/1997	<u>[Signature]</u>				C17QT	Nợ HP

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 2 / 2 .

Số sinh viên đạt: 02 Tỷ lệ đạt: 100 / 50 %

Ngày: 6 tháng 8 năm 2018

[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Lê Phụng

Ngày: 01 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh Bình

QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
 CÔNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
 VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKIII (2017 - 2018)

Môn học: Anh văn căn bản 3

Mã bài thi: ARX9B9

Thời gian thi: 24/07/2018 08:30:00

Thời gian kết thúc: 24/07/2018 09:30:00

Giám thị 1: Cao Hi Ký tên: [Signature]Giám thị 2: Ngọc Thu Ký tên: [Signature]Giám thị 3: Kim An Ký tên: [Signature]Giám thị 4: Văn Đình Ký tên: [Signature]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100039	Mohamad Aziz	14/03/1999		4.2		C19QT1	6.2
2	1610100102	Tạ Minh Công	04/10/1998		6		C18QT	7.6
3	1410030015	Phan Văn Đạo	23/06/1996		5		C16DDT	7.0
4	1710100036	Nguyễn Văn Điền	29/08/1997		4.8		C19QT1	8.8
5	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998		4.8		C18QT	6.8
6	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999		7		C19QT1	8.6
7	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999		4.6		C19QT1	6.6
8	1710100055	Huỳnh Thị Thủy Duy	12/11/1999		4.8		C19QT1	6.8
9	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999		4.6		C19QT1	6.2
10	1710100054	Hồ Thủy Hằng	21/09/1999		4.4		C19QT1	6.4
11	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998		5.2		C19QT1	7.2
12	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992		7.6		C19QT1	8.6
13	1710100018	Lâm Lê Huy Hoàng	27/08/1999		4.4		C19QT1	6.4
14	1710100032	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999		7.4		C19QT1	8.2
15	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999		5		C19QT1	7.6
16	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999		4.2		C19QT1	6.2
17	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999		7		C19QT1	8.8
18	1710100004	Trần Thanh Liêm	30/12/1999		3.8		C19QT1	5.8
19	1710100069	Vô Thị Thủy Linh	07/10/1999		4.4		C19QT1	6.4
20	1710100035	Huỳnh Thị Kim Loan	10/09/1999		4.4		C19QT1	6.2
21	1310080009	Đỗ Sĩ Long	25/07/1994		5.2		C15MT	7.2
22	1710100003	Huỳnh Thị Kiều Mai	13/03/1999		5.2		C19QT1	7.2
23	1710100065	Trần Thị Phương Mai	20/04/1996		5.6		C19QT1	7.6
24	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999		5.6		C19QT1	7.6
25	1710100030	Ksor Kpă Misian	06/06/1995		5.6		C19QT1	7.6
26	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996		4.8		C19QT1	6.4
27	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999		6.6		C19QT1	8.6
28	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999		6.2		C19QT1	7.6
29	1710100057	Vô Thị Hồng Nhi	01/01/1998		6.6		C19QT1	8.6
30	1710100013	Vô Thị Yến Nhi	01/01/1999		4		C19QT1	6.0
31	1710100037	Trần Quốc Nhơn	23/04/1998		6		C19QT1	7.4
32	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999		4.2		C19QT1	6.2
33	1710100009	Ngô Tấn Phát	30/07/1998		4.8		C19QT1	5.8
34	1310090004	Huỳnh Gia Phúc	12/06/1993		4.4		C15CN	6.4
35	1710100022	Trần Thị Thủy Phương	27/10/1999		3.6		C19QT1	5.0
36	1710100033	Đặng Tú Quyên	30/01/1998		4.2		C19QT1	6.2
37	1710100031	Trần Thị Ngân Tâm	25/06/1999		4.6		C19QT1	6.6
38	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999		4.2		C19QT1	6.2
39	1610100122	Nguyễn Thị Thảo	05/12/1994		4.4		C18QT	6.4
40	1710100019	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/1999		3.8		C19QT1	5.8
41	1710100029	Trịnh Kim Thi	11/02/1999		4.4		C19QT1	6.4
42	1510010001	Lưu Phước Thiện	09/06/1996		2.8		C17TH	4.8
43	1510010024	Trần Quốc Thịnh	11/02/1997		5.4		C17TH	7.4

0006	Nguyễn Thị Xuân Thu	01/01/1999	3.6	C19QT1	5.6
0100014	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/01/1999	4.6	C19QT1	6.6
10100024	Trần Thị Thanh Trà	01/12/1999	4.4	C19QT1	6.4
1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999	6.8	C19QT1	8.0
1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999	4	C19QT1	6.0
1710100027	Cao Dũ Nhật Trường	12/12/1998	3.8	C19QT1	5.8
1710100012	Phan Thị Cẩm Tú	14/11/1999	3.2	C19QT1	4.4
1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998	4.4	C19QT1	6.6
1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999	5.8	C19QT1	7.6
1710100021	Lê Trần Kim Vân	21/08/1999	5.2	C19QT1	6.6
1710130018	Trương Công Vinh	29/04/1999	4.4	C19TA	6.0
1710100001	Đinh Minh Vũ	06/05/1998	3.2	C19QT1	5.2
1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999	4	C19QT1	6.0
1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998	5	C19QT1	7.0

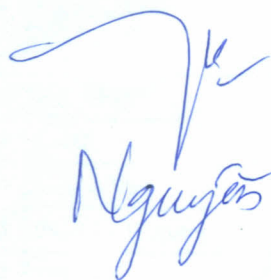
Số sinh viên dự thi: 57

Số sinh viên đạt: 50

Ngày 3 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)




Nguyễn Lê Mỹ Oas

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

(ký & ghi rõ họ tên):



Đỗ Minh Đại

Giáo viên kiểm tra và chấm lại
do đề thi bị sai.